

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 của Chính phủ quy định về chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh (sau đây viết tắt là Nghị định 135/2004/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 135/2004/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định 61/2011/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư liên tịch quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định thi hành một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 61/2011/NĐ-CP (sau đây gọi chung là Nghị định số 135/2004/NĐ-CP) về thủ tục, chế độ đối với người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với:
 - a) Cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Luật Phòng, chống ma túy và cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính (gọi chung là Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, sau đây viết tắt là Trung tâm);
 - b) Người nghiện ma túy, người bán dâm bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm;
 - c) Người chưa thành niên nghiện ma túy bị cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm;
 - d) Người nghiện ma túy, người bán dâm tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm;
 - đ) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.
2. Thông tư này không áp dụng đối với người nước ngoài.
3. Người đang cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm gọi là học viên.

Điều 3. Quy định về biểu mẫu

1. Ban hành kèm theo Thông tư này các Biểu mẫu để sử dụng khi áp dụng các biện pháp, chế độ cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm.
2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khi in các biểu mẫu quy định tại Khoản 1 Điều này phải in thống nhất trên khổ giấy A4 và không được tự ý thay đổi nội dung của biểu mẫu; có trách nhiệm quản lý việc in, cấp phát, sử dụng biểu mẫu và có sổ sách theo dõi.

Chương II

THỦ TỤC ĐƯA NGƯỜI VÀO TRUNG TÂM

Mục I

THỦ TỤC ĐƯA NGƯỜI BỊ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO TRUNG TÂM

Điều 4. Người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm

1. Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi đến 55 tuổi đối với nữ, đến 60 tuổi đối với nam, mà có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a) Đã chấp hành xong Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về việc sử dụng trái phép chất ma túy hoặc đã hết thời hiệu thi hành Quyết định nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính;
 - b) Đã chấp hành xong Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn về việc sử dụng trái phép chất ma túy hoặc đã hết thời hiệu thi hành Quyết định nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính;

c) Đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành thời gian cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận này nhưng đã hết thời hạn thực hiện Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng hoặc Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng;

d) Người chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không có nơi cư trú nhất định.

2. Người bán dâm từ đủ 16 tuổi đến 55 tuổi đối với nữ, 60 tuổi đối với nam và thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đã chấp hành xong Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh về hành vi bán dâm hoặc đã hết thời hiệu thi hành các Quyết định nêu trên nhưng chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính;

b) Người không có nơi cư trú nhất định có từ hai lần trở lên trong thời hạn mười hai tháng bị xử phạt hành chính về hành vi bán dâm, chưa bị giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

3. Người có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là người thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đang sử dụng trái phép chất ma túy hoặc qua điều tra, xác minh, cơ quan chức năng xác định người đó có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; người tự khai báo về việc sử dụng trái phép chất ma túy;

b) Qua xét nghiệm tìm chất ma túy trong cơ thể người đó có kết quả dương tính mà không chứng minh được tính hợp pháp của việc có chất ma túy.

4. Các trường hợp sau đây được coi là không có nơi cư trú nhất định:

a) Không xác định được nơi đăng ký thường trú hoặc đăng ký tạm trú thường xuyên đi lang thang, không có nơi ở nhất định;

b) Có nơi đăng ký thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú nhưng không thường xuyên sinh sống tại đó và thường xuyên đi lang thang, không ở nhất định tại nơi đăng ký thường trú, tạm trú.

Điều 5. Lập hồ sơ đề nghị đưa vào Trung tâm

1. Việc lập hồ sơ đề nghị đưa vào Trung tâm được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm gồm:

a) Bản sơ yếu lý lịch (có dán ảnh 4 x 6 cm và có căn cứ pháp lý xác định độ tuổi) của người được đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm;

b) Bệnh án (nếu có);

c) Biên bản hoặc tài liệu xác nhận về hành vi vi phạm pháp luật của người đó;

d) Bản sao Quyết định xử phạt hành chính do hành vi sử dụng trái phép chất ma túy hoặc hành vi bán dâm và biên lai xử phạt (nếu có);

đ) Bản sao Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do hành vi sử dụng trái phép chất ma túy hoặc hành vi bán dâm, Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, Quyết định quản lý cai nghiện tự nguyện tại gia đình, Quyết định cai nghiện tự nguyện tại cộng đồng hoặc Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng; Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện (nếu có);

g) Bản sao Giấy chứng nhận đã chấp hành xong Quyết định giáo dục tại xã, phường, thị trấn, Giấy chứng nhận đã chấp hành xong Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành thời gian cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng, Giấy chứng nhận đã chấp hành xong Quyết định quản lý sau cai nghiện ma túy (nếu có);

h) Nhận xét của Công an cấp xã, ý kiến của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc hoặc tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc cùng cấp mà người đó là thành viên;

i) Văn bản đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 6. Hội đồng tư vấn về việc đưa vào Trung tâm

1. Theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP, thành phần Hội đồng tư vấn về việc đưa vào Trung tâm, bao gồm:

a) Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm Thường trực và chủ trì cuộc họp của Hội đồng tư vấn;

b) Thành viên bao gồm: Trưởng Công an, Trưởng phòng Tư pháp, Y tế và Chủ tịch Hội phụ nữ cấp huyện.

2. Chậm nhất là ba ngày trước khi họp Hội đồng tư vấn, Thường trực Hội đồng tư vấn phải sao gửi các tài liệu quy định tại Khoản 3 Điều 5 Thông tư này tới các thành viên Hội đồng.

3. Trong trường hợp thành viên Hội đồng Tư vấn (kể cả Thường trực Hội đồng tư vấn) không tham dự cuộc họp thì cơ quan của thành viên đó có trách nhiệm cử lãnh đạo khác tham dự. Thành viên dự họp thay có quyền biểu quyết như thành viên chính thức. Hội đồng Tư vấn chỉ họp khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên tham dự và phải được lập thành biên bản (Mẫu số 01).

Điều 7. Quyết định đưa vào Trung tâm

1. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Hội đồng Tư vấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, Quyết định việc đưa vào Trung tâm.

2. Quyết định đưa vào Trung tâm (Mẫu số 02) phải được gửi cho người bị áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm, gia đình người đó, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, cơ quan Công an, Hội đồng nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

Điều 8. Thi hành Quyết định đưa vào Trung tâm

1. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định, Công an quận, huyện, thị xã thành phố thuộc tỉnh (sau đây viết tắt là Công an cấp huyện) có trách nhiệm đưa người phải chấp hành Quyết định vào Trung tâm; việc thi hành Quyết định phải được lập thành biên bản (Mẫu số 03). Biên bản được lập thành hai bản, một bản lưu tại Công an cấp huyện, một bản gửi kèm hồ sơ đưa người vào Trung tâm.

2. Trường hợp người có Quyết định đưa vào Trung tâm nhưng chưa đưa đi chấp hành Quyết định mà có đơn đề nghị hoãn hoặc miễn chấp hành Quyết định thì phải tiếp nhận, xem xét ngay. Nếu thấy có đủ điều kiện để được hoãn hoặc miễn theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này thì Trưởng Công an cấp huyện phải có văn bản đề xuất, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ra Quyết định hoãn hoặc miễn chấp hành Quyết định cho người đó và thông báo cho cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện biết.

Thời gian chấp hành Quyết định đưa vào Trung tâm được tính từ ngày người bị áp dụng biện pháp này được đưa đi chấp hành Quyết định (bao gồm cả thời gian đi đường và thời gian lưu giữ hành chính).

3. Người phải chấp hành Quyết định đưa vào Trung tâm hoặc người bị bắt giữ theo Quyết định truy tìm, nếu không tự giác chấp hành hoặc có hành vi chống đối thì có thể bị khóa tay để áp giải hoặc bị áp dụng biện pháp cưỡng chế cần thiết khác theo quy định của pháp luật để buộc phải chấp hành. Trường hợp hành vi chống đối có dấu hiệu của tội phạm thì phải lập hồ sơ để xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tiếp nhận người bị đưa vào Trung tâm

1. Việc tiếp nhận người bị đưa vào Trung tâm được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP.

2. Việc tiếp nhận người bị đưa vào Trung tâm phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ tình trạng sức khỏe của người đó, tài liệu, hồ sơ, tư trang, đồ dùng cá nhân mang theo (Mẫu số 04). Biên bản giao, nhận được lập thành ba bản, bên giao và bên nhận mỗi bên giữ một bản, một bản gửi Thường trực Hội đồng Tư vấn để lưu hồ sơ.

4. Người phải chấp hành Quyết định đưa vào Trung tâm bị chết trước khi thi hành Quyết định thì Trưởng Công an cấp huyện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ra Quyết định đình chỉ việc thi hành Quyết định đó.

Điều 11. Truy tìm và bắt giữ người đã có Quyết định đưa vào Trung tâm bỏ trốn

1. Việc truy tìm và bắt giữ người đã có Quyết định đưa vào Trung tâm bỏ trốn (viết tắt là người bỏ trốn) được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Quyết định truy tìm người bỏ trốn của Trưởng Công an cấp huyện (trường hợp người bỏ trốn chưa được bàn giao cho Trung tâm) hoặc của Giám đốc Trung tâm (trường hợp người bỏ trốn đang chấp hành Quyết định tại Trung tâm) được lập theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

Tùy từng trường hợp cụ thể, Quyết định truy tìm được gửi cho cơ quan Công an và Ủy ban nhân dân địa phương nơi cần thiết để phục vụ cho việc truy tìm và bắt giữ đối tượng.

3. Khi bắt được đối tượng bỏ trốn hoặc nhận bàn giao đối tượng, cơ quan Công an phải lập biên bản, lấy lời khai của người đó, đồng thời thông báo ngay cho cơ quan đã ra Quyết định truy tìm biết để đến nhận đối tượng. Trường hợp cần thiết thì người có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính ra Quyết định tạm giữ hành chính và đưa họ về nơi tạm giữ hành chính của cơ quan Công an.

Thời gian bỏ trốn không được tính vào thời hạn chấp hành Quyết định đưa vào Trung tâm.

Điều 12. Tạm thời đưa người đang chấp hành Quyết định ra khỏi Trung tâm theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự

1. Việc tạm thời đưa người đang chấp hành Quyết định ra khỏi Trung tâm được thực hiện khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền quy định tại Điều 20 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP. Văn bản yêu cầu phải ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, Giấy chứng minh nhân dân (nếu có), nơi cư trú, lý do và thời hạn tạm thời đưa người đang chấp hành ra khỏi Trung tâm; số Quyết định đưa vào Trung tâm; ngày, tháng, năm, người ra Quyết định. Căn cứ vào công văn đề nghị, Giám đốc Trung tâm ra Quyết định tạm thời đưa người đang chấp hành Quyết định ra khỏi Trung tâm (Mẫu số 09) và bàn giao cho cán bộ Công an đến nhận người. Cán bộ đến nhận người phải có Giấy chứng minh Công an nhân dân và Giấy giới thiệu của cơ quan Công an từ cấp huyện trở lên. Việc giao, nhận phải được lập thành biên bản.

2. Khi hết thời hạn đưa người đang chấp hành Quyết định ra khỏi Trung tâm, cơ quan đã có yêu cầu phải có trách nhiệm đưa trả người đó về Trung tâm. Trường hợp cần gia hạn thì Thủ trưởng cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có

4. Người phải chấp hành Quyết định đưa vào Trung tâm bị chết trước khi thi hành Quyết định thì Trưởng Công an cấp huyện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp ra Quyết định đình chỉ việc thi hành Quyết định đó.

Điều 11. Truy tìm và bắt giữ người đã có Quyết định đưa vào Trung tâm bỏ trốn

1. Việc truy tìm và bắt giữ người đã có Quyết định đưa vào Trung tâm bỏ trốn (viết tắt là người bỏ trốn) được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Quyết định truy tìm người bỏ trốn của Trưởng Công an cấp huyện (trường hợp người bỏ trốn chưa được bàn giao cho Trung tâm) hoặc của Giám đốc Trung tâm (trường hợp người bỏ trốn đang chấp hành Quyết định tại Trung tâm) được lập theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này.

Tùy từng trường hợp cụ thể, Quyết định truy tìm được gửi cho cơ quan Công an và Ủy ban nhân dân địa phương nơi cần thiết để phục vụ cho việc truy tìm và bắt giữ đối tượng.

3. Khi bắt được đối tượng bỏ trốn hoặc nhận bàn giao đối tượng, cơ quan Công an phải lập biên bản, lấy lời khai của người đó, đồng thời thông báo ngay cho cơ quan đã ra Quyết định truy tìm biết để đến nhận đối tượng. Trường hợp cần thiết thì người có thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính ra Quyết định tạm giữ hành chính và đưa họ về nơi tạm giữ hành chính của cơ quan Công an.

Thời gian bỏ trốn không được tính vào thời hạn chấp hành Quyết định đưa vào Trung tâm.

Điều 12. Tạm thời đưa người đang chấp hành Quyết định ra khỏi Trung tâm theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự

1. Việc tạm thời đưa người đang chấp hành Quyết định ra khỏi Trung tâm được thực hiện khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền quy định tại Điều 20 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP. Văn bản yêu cầu phải ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, Giấy chứng minh nhân dân (nếu có), nơi cư trú, lý do và thời hạn tạm thời đưa người đang chấp hành ra khỏi Trung tâm; số Quyết định đưa vào Trung tâm; ngày, tháng, năm, người ra Quyết định. Căn cứ vào công văn đề nghị, Giám đốc Trung tâm ra Quyết định tạm thời đưa người đang chấp hành Quyết định ra khỏi Trung tâm (Mẫu số 09) và bàn giao cho cán bộ Công an đến nhận người. Cán bộ đến nhận người phải có Giấy chứng minh Công an nhân dân và Giấy giới thiệu của cơ quan Công an từ cấp huyện trở lên. Việc giao, nhận phải được lập thành biên bản.

2. Khi hết thời hạn đưa người đang chấp hành Quyết định ra khỏi Trung tâm, cơ quan đã có yêu cầu phải có trách nhiệm đưa trả người đó về Trung tâm. Trường hợp cần gia hạn thì Thủ trưởng cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có

Quyết định đưa người chưa thành niên nghiện ma túy vào Trung tâm không phải là Quyết định xử lý vi phạm hành chính.

3. Thủ tục tiếp nhận người chưa thành niên nghiện ma túy vào Trung tâm

a) Kiểm tra hồ sơ và Quyết định đưa người chưa thành niên nghiện ma túy vào Trung tâm;

b) Đối chiếu hồ sơ của người được đưa vào Trung tâm với giấy Chứng minh nhân dân của người đó (nếu có);

c) Bộ phận y tế của Trung tâm khám sức khỏe khi tiếp nhận để theo dõi, quản lý;

d) Đại diện Công an cấp huyện và Trung tâm lập biên bản giao, nhận người phải chấp hành Quyết định và hồ sơ kèm theo, ghi rõ những tài liệu có trong hồ sơ, tình trạng sức khỏe của người đó, tư trang, đồ dùng cá nhân mang theo. Biên bản giao nhận được lập thành hai bản, bên giao và bên nhận mỗi bên giữ một bản.

Điều 15. Thủ tục đưa người nghiện ma túy, người bán dâm tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị, phục hồi tại Trung tâm

1. Thủ tục lập, xét duyệt hồ sơ và tiếp nhận người nghiện ma túy, người bán dâm tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị, phục hồi tại Trung tâm được thực hiện theo quy định tại các Điều 26, 27, 28 và 29 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP.

2. Hồ sơ xét duyệt, tiếp nhận người tự nguyện vào Trung tâm:

a) Đơn của người tự nguyện xin vào Trung tâm (Mẫu số 11);

b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Sổ hộ khẩu hoặc Giấy chứng nhận tạm trú dài hạn (có công chứng hoặc kèm theo bản chính để đối chiếu).

3. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người tự nguyện xin vào Trung tâm, Giám đốc Trung tâm xét duyệt hồ sơ và căn cứ vào khả năng tiếp nhận của Trung tâm để ra Quyết định tiếp nhận (Mẫu số 12).

Quyết định tiếp nhận được gửi cho người tự nguyện xin vào Trung tâm, cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột hoặc người giám hộ (đối với người chưa thành niên) và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

4. Đối với những trường hợp qua xét duyệt hồ sơ phát hiện người tự nguyện xin vào Trung tâm đang bị cơ quan Công an lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng hoặc là tội phạm đang bị truy nã, Giám đốc Trung tâm từ chối tiếp nhận và báo ngay cho cơ quan Công an nơi gần nhất biết. Trường hợp Giám đốc Trung tâm đã ra Quyết định tiếp nhận mới phát hiện thì hủy Quyết định tiếp nhận.

Quyết định đưa người chưa thành niên nghiện ma túy vào Trung tâm không phải là Quyết định xử lý vi phạm hành chính.

3. Thủ tục tiếp nhận người chưa thành niên nghiện ma túy vào Trung tâm

a) Kiểm tra hồ sơ và Quyết định đưa người chưa thành niên nghiện ma túy vào Trung tâm;

b) Đối chiếu hồ sơ của người được đưa vào Trung tâm với giấy Chứng minh nhân dân của người đó (nếu có);

c) Bộ phận y tế của Trung tâm khám sức khỏe khi tiếp nhận để theo dõi, quản lý;

d) Đại diện Công an cấp huyện và Trung tâm lập biên bản giao, nhận người phải chấp hành Quyết định và hồ sơ kèm theo, ghi rõ những tài liệu có trong hồ sơ, tình trạng sức khỏe của người đó, tư trang, đồ dùng cá nhân mang theo. Biên bản giao nhận được lập thành hai bản, bên giao và bên nhận mỗi bên giữ một bản.

Điều 15. Thủ tục đưa người nghiện ma túy, người bán dâm tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị, phục hồi tại Trung tâm

1. Thủ tục lập, xét duyệt hồ sơ và tiếp nhận người nghiện ma túy, người bán dâm tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị, phục hồi tại Trung tâm được thực hiện theo quy định tại các Điều 26, 27, 28 và 29 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP.

2. Hồ sơ xét duyệt, tiếp nhận người tự nguyện vào Trung tâm:

a) Đơn của người tự nguyện xin vào Trung tâm (Mẫu số 11);

b) Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Sổ hộ khẩu hoặc Giấy chứng nhận tạm trú dài hạn (có công chứng hoặc kèm theo bản chính để đối chiếu).

3. Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người tự nguyện xin vào Trung tâm, Giám đốc Trung tâm xét duyệt hồ sơ và căn cứ vào khả năng tiếp nhận của Trung tâm để ra Quyết định tiếp nhận (Mẫu số 12).

Quyết định tiếp nhận được gửi cho người tự nguyện xin vào Trung tâm, cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột hoặc người giám hộ (đối với người chưa thành niên) và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

4. Đối với những trường hợp qua xét duyệt hồ sơ phát hiện người tự nguyện xin vào Trung tâm đang bị cơ quan Công an lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng hoặc là tội phạm đang bị truy nã, Giám đốc Trung tâm từ chối tiếp nhận và báo ngay cho cơ quan Công an nơi gần nhất biết. Trường hợp Giám đốc Trung tâm đã ra Quyết định tiếp nhận mới phát hiện thì hủy Quyết định tiếp nhận.

2. Học viên cai nghiện, chữa trị từ năm ngày trong tuần trở lên được bình xét và xếp loại theo tuần. Kết quả xếp loại dựa trên thang điểm quy định tại Tiêu chí chấm điểm kết quả phân đấu, rèn luyện hàng tuần của học viên (sau đây viết tắt là Tiêu chí chấm điểm, Phụ lục số 01).

Thứ bảy hàng tuần, cán bộ phụ trách tổ cho các thành viên tổ họp bình xét, xếp loại. Căn cứ vào Tiêu chí chấm điểm, từng học viên tự xếp loại cho mình, các thành viên khác nhận xét và biểu quyết thông qua. Kết quả bình xét được thông qua khi có ít nhất 2/3 số người dự họp đồng ý. Việc bình xét phải được lập thành biên bản có chữ ký của Tổ trưởng và cán bộ phụ trách.

3. Kết quả xếp loại học viên được thông báo công khai trên phương tiện thông tin của Trung tâm vào sáng chủ nhật cùng tuần. Nếu không có ý kiến khiếu nại, chậm nhất thứ tư tuần kế tiếp, Tổ trưởng phải gửi kết quả về phòng chuyên môn phụ trách công tác quản lý học viên để ghi Phiếu theo dõi đánh giá, xếp loại học viên (Mẫu số 13) và lưu hồ sơ quản lý.

4. Cán bộ, học viên Trung tâm trong thời gian hai ngày, kể từ khi thông báo kết quả xếp loại, nếu phát hiện các trường hợp xếp loại không chính xác, thì báo cáo Giám đốc Trung tâm và cán bộ phụ trách tổ đó để xem xét lại.

Khi nhận được khiếu nại, cán bộ phụ trách phải triệu tập họp tổ để xem xét lại trường hợp bị khiếu nại; việc họp lại phải được lập thành biên bản và gửi về phòng phụ trách công tác quản lý học viên.

5. Học viên có thời gian cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm từ đủ ba tuần trở lên được xếp loại theo tháng; nếu từ đủ hai tháng trở lên được xếp loại theo quý. Việc xếp loại được thực hiện theo hướng dẫn tại Tiêu chí xếp loại học viên (Phụ lục số 02).

Điều 17. Chế độ ở, sinh hoạt văn hóa, hoạt động thể dục thể thao

1. Học viên được bố trí nơi ở phù hợp với giới tính, độ tuổi và tình trạng sức khỏe. Diện tích nằm tối thiểu cho mỗi học viên là 2,5m². Phòng ở phải bảo đảm thoáng mát về mùa hè, kín gió về mùa đông, hợp vệ sinh môi trường.

2. Hàng ngày, ngoài thời gian học tập và lao động, Trung tâm tổ chức cho học viên tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác; tùy theo điều kiện của Trung tâm, định kỳ hàng tháng, hàng quý tổ chức giao lưu văn nghệ giữa các tổ, đội.

3. Tùy theo điều kiện và quy mô, mỗi Trung tâm có thể xây dựng một hay nhiều tủ sách và phòng đọc cho học viên; tổ chức cho học viên tham gia xây dựng tờ tin hàng tuần nhằm thông tin về hoạt động của Trung tâm và nêu gương các tổ, đội, các học viên đạt thành tích tốt trong rèn luyện, học tập, lao động.

4. Hàng ngày, Trung tâm tổ chức tiếp sóng các chương trình thời sự trên hệ thống truyền thanh, truyền hình để học viên được tiếp cận các thông tin cần thiết.

Điều 18. Chế độ tư vấn

1. Hoạt động tư vấn phải do cán bộ chuyên trách, được đào tạo về nghiệp vụ tư vấn của Trung tâm thực hiện. Trường hợp học viên gặp các vấn đề tâm lý phức tạp, vượt quá khả năng của cán bộ Trung tâm thì Trung tâm được mời cán bộ tư vấn chuyên nghiệp.

2. Khi học viên có nhu cầu được tư vấn cá nhân, Trung tâm phải bố trí cán bộ tư vấn kịp thời để nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng cũng như diễn biến tâm lý của học viên, kịp thời tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho học viên.

3. Học viên được tham gia các hoạt động tư vấn nhóm ít nhất 2 lần/tuần, mỗi lần không quá 90 phút, mỗi nhóm tư vấn không quá 20 người. Trung tâm phải bố trí phòng tư vấn, có thời gian biểu hoạt động cụ thể.

4. Tùy theo điều kiện cụ thể của Trung tâm và sự tự nguyện của gia đình học viên, Trung tâm có thể triển khai các hoạt động tư vấn nhóm cho gia đình học viên, mỗi tuần không quá một buổi, mỗi buổi không quá 90 phút.

5. Hàng năm, Trung tâm thực hiện việc khảo sát, đánh giá nhu cầu để lập kế hoạch và dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tư vấn, báo cáo Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, phê duyệt, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tư vấn báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (qua Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội) để phối hợp hướng dẫn, chỉ đạo, hỗ trợ về kinh phí và chuyên môn.

Điều 19. Chế độ lao động

1. Việc phân công, bố trí lao động cho học viên tại Trung tâm phải phù hợp với sức khỏe, độ tuổi, giới tính của học viên. Thời gian lao động của học viên không quá 4 giờ/ngày. Thời gian lao động, học tập, tư vấn không quá 8 giờ/ngày. Học viên được nghỉ lao động các ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

2. Việc khoán sản phẩm phải phù hợp với sức khỏe, độ tuổi, giới tính của học viên. Học viên lao động vượt mức khoán được khen thưởng, biểu dương và được hưởng toàn bộ số tiền công làm vượt khoán. Trường hợp không đạt mức khoán thì bị phê bình, nhắc nhở trong các buổi sinh hoạt tập thể.

3. Học viên có thể sử dụng tiền thưởng, tiền thu nhập từ lao động để mua đồ ăn, đồ dùng sinh hoạt cá nhân, gửi lưu ký và nhận lại khi ra khỏi Trung tâm hoặc gửi về gia đình theo Quy định của Trung tâm.

4. Định kỳ sáu tháng, một năm, Trung tâm phải báo cáo cụ thể tình hình tổ chức lao động và sử dụng kết quả lao động của học viên về Sở Lao động -

Thương binh và Xã hội và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, kiểm tra.

Điều 20. Chế độ thăm, gặp thân nhân

1. Trừ những trường hợp đang trong giai đoạn cắt cơn, giải độc hoặc mới được tiếp nhận vào Trung tâm dưới 15 ngày hoặc đang trong thời gian chờ Hội đồng xét kỷ luật hoặc đang bị thi hành kỷ luật bằng hình thức giáo dục tại phòng kỷ luật, học viên được phép thăm gặp thân nhân là người có mối quan hệ gia đình, họ hàng với học viên.

2. Định kỳ từ 2 đến 5 ngày trong một tuần, Trung tâm tổ chức cho học viên được gặp thân nhân của mình. Mỗi học viên được gặp không quá mỗi tuần một lần, mỗi lần không quá 2 giờ và tối đa không quá 3 người trong một lần gặp.

3. Học viên có vợ hoặc chồng và có thời gian ở Trung tâm từ 2 tháng trở lên, nếu tháng trước đó được xếp loại khá trở lên thì được Giám đốc Trung tâm xem xét, cho phép thăm gặp tại phòng riêng của Trung tâm một lần trong tháng kế tiếp và tối đa không quá 24 giờ cho một lần gặp.

4. Khi tới thăm gặp học viên, thân nhân học viên xuất trình Giấy chứng minh nhân dân và điền vào Đơn đề nghị thăm gặp học viên do Trung tâm cung cấp (Mẫu số 14).

5. Thân nhân được mang vào cho học viên các đồ dùng như chăn, màn, quần, áo và các đồ dùng sinh hoạt thiết yếu khác để sử dụng; đồ ăn, đồ uống không có chất cồn chỉ được sử dụng tại phòng thăm gặp; tiền, các giấy tờ có giá trị và thuốc chữa bệnh phải gửi lưu ký theo quy định của Trung tâm.

6. Giám đốc Trung tâm Quyết định thành lập Tổ thăm gặp gồm cán bộ thuộc các phòng nghiệp vụ của Trung tâm. Cán bộ Tổ thăm gặp có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát, quản lý hoạt động thăm gặp, giải đáp những thắc mắc của thân nhân và học viên về chế độ thăm gặp, có quyền đình chỉ việc thăm gặp nếu vi phạm nội quy Trung tâm và chế độ thăm gặp và có trách nhiệm cập nhật thông tin theo dõi hoạt động thăm gặp vào Sổ thăm gặp học viên (Mẫu số 15) và Sổ giám sát hoạt động thăm gặp (Mẫu số 16).

Điều 21. Chế độ nghỉ chịu tang

1. Việc giải quyết cho học viên về gia đình khi có việc tang của thân nhân được thực hiện theo Điều 33 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Gia đình học viên phải làm Đơn đề nghị có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học viên cư trú gửi Giám đốc Trung tâm. Nội dung Đơn phải nêu rõ họ tên, số Chứng minh nhân dân, nơi cư trú, mối quan hệ với học viên,

thời gian đề nghị cho học viên được nghỉ chịu tang và cam kết quản lý, giám sát không để học viên sử dụng ma túy trái phép hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác trong thời gian về chịu tang, chịu chi phí đón học viên về nhà và đưa trở lại Trung tâm.

3. Ngay sau khi nhận được đơn đề nghị của gia đình học viên, Giám đốc Trung tâm (hoặc người được Giám đốc Trung tâm ủy quyền) phải xem xét, Quyết định việc cho học viên nghỉ chịu tang. Quyết định phải bằng văn bản, nêu rõ thời gian được nghỉ, trách nhiệm của gia đình trong việc đưa đón, quản lý học viên trong thời gian về chịu tang (Mẫu số 17). Quyết định được gửi cho gia đình học viên, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và lưu trong hồ sơ học viên.

4. Việc cho phép học viên về chịu tang và khi tiếp nhận học viên trở lại Trung tâm phải được lập thành biên bản giao nhận với gia đình học viên; biên bản được lập thành hai bản, bên giao, bên nhận mỗi bên giữ một bản.

5. Học viên khi về gia đình phải xuất trình Quyết định của Giám đốc Trung tâm cho phép về nghỉ chịu tang với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

6. Khi tiếp nhận học viên trở lại Trung tâm, phải xét nghiệm tìm chất ma túy đối với học viên đó. Kết quả xét nghiệm được thông báo công khai cho học viên, gia đình biết và được ghi vào biên bản để làm cơ sở để bình bầu, xếp loại và có hình thức kỷ luật thích hợp.

Điều 22. Chế độ khen thưởng - kỷ luật

1. Việc khen thưởng và kỷ luật đối với học viên được thực hiện theo quy định tại Điều 70 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP.

2. Hội đồng Khen thưởng - Kỷ luật:

a) Giám đốc Trung tâm ra Quyết định thành lập Hội đồng Khen thưởng - Kỷ luật (sau đây viết tắt là Hội đồng) đối với học viên, bao gồm lãnh đạo Trung tâm và lãnh đạo các phòng chuyên môn của Trung tâm. Giám đốc Trung tâm là Chủ tịch Hội đồng, Trưởng phòng phụ trách công tác quản lý học viên là Thư ký Hội đồng;

b) Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, Hội đồng họp xem xét và biểu quyết khen thưởng, kỷ luật đối với từng trường hợp cụ thể trên cơ sở kết quả bình bầu, đề nghị của tổ và ý kiến nhận xét của cán bộ quản lý. Trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến Quyết định.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng, kỷ luật do cán bộ phụ trách tổ lập và gửi lên Hội đồng trong tuần đầu tiên của quý tiếp theo đối với trường hợp khen thưởng định kỳ, hoặc chậm nhất là hai ngày sau khi họp tổ đề nghị xét khen thưởng, kỷ luật đột xuất.

Trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Chủ tịch Hội đồng phải triệu tập họp Hội đồng xét khen thưởng, kỷ luật. Kết quả xét khen thưởng, kỷ luật được thông báo trên phương tiện thông tin của Trung tâm. Trong thời hạn ba ngày, nếu không có khiếu nại, Giám đốc Trung tâm ký Quyết định khen thưởng, kỷ luật. Trường hợp có khiếu nại, Chủ tịch Hội đồng phải triệu tập cuộc họp để xem xét về nội dung khiếu nại đó.

4. Chế độ khen thưởng:

Học viên nếu có thành tích xuất sắc trong học tập, lao động, thì được Giám đốc Trung tâm khen thưởng bằng một trong các hình thức sau:

- a) Biểu dương, khen thưởng bằng tiền hoặc hiện vật từ Quỹ thi đua khen thưởng của Trung tâm (nếu có);
- b) Tặng số lần được thăm gặp thân nhân: tối đa mỗi tuần hai lần trong vòng một tháng;
- c) Được đề nghị giảm hoặc miễn thời gian chấp hành Quyết định.

5. Việc xét khen thưởng định kỳ đối với học viên được thực hiện dựa trên kết quả bình bầu, xếp loại của học viên theo tiêu chí sau:

- a) Đối với hình thức biểu dương: trong quý xét khen thưởng được xếp loại khá, trong đó có 1 tháng được xếp loại tốt;
- b) Đối với hình thức khen thưởng tặng số lần thăm gặp gia đình: trong quý xét khen thưởng được xếp loại tốt;
- c) Đối với hình thức đề nghị giảm hoặc miễn thời gian chấp hành Quyết định: thực hiện theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 24 của Thông tư này.

6. Hồ sơ đề nghị khen thưởng định kỳ gồm:

- Phiếu theo dõi đánh giá, xếp loại của người được đề nghị khen thưởng;
- Báo cáo thành tích học tập, lao động, rèn luyện của người được đề nghị khen thưởng;
- Biên bản họp tổ đề nghị khen thưởng.

7. Việc xét khen thưởng đột xuất áp dụng đối với học viên thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Tích cực, quên mình trong phòng, chống thiên tai, hỏa hoạn để bảo vệ tính mạng của người khác, tài sản của Trung tâm;
- b) Cung cấp thông tin để phát hiện, ngăn ngừa, bắt giữ tội phạm;
- c) Giúp cơ quan chức năng phát hiện, ngăn ngừa các hành vi trốn, chống phá Trung tâm.

8. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất gồm:

- Báo cáo thành tích của người được đề nghị khen thưởng;
- Biên bản họp tổ đề nghị khen thưởng có tối thiểu 2/3 số người dự họp đồng ý.

9. Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất, cán bộ phụ trách tổ cho sinh hoạt tổ để bình bầu, đề nghị xét khen thưởng đối với học viên trong tổ trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại định kỳ hàng tháng, quý hoặc thành tích đột xuất. Việc bình bầu được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu kín, kết quả được ghi vào biên bản có xác nhận của Tổ trưởng và cán bộ phụ trách tổ.

10. Chế độ kỷ luật:

a) Học viên nếu vi phạm nội quy của Trung tâm, không chịu tham gia lao động, học tập thì sẽ bị xem xét, kỷ luật bằng một trong các hình thức sau:

- Phê bình: áp dụng đối với trường hợp có hành vi vi phạm lần đầu ở mức độ nhẹ hoặc do lỗi vô ý;

- Cảnh cáo: áp dụng đối với người vi phạm lần đầu nhưng ở mức độ nặng hoặc vi phạm nhiều lần, tái phạm;

- Giáo dục tại phòng kỷ luật: áp dụng đối với trường hợp hành vi vi phạm ở mức độ nghiêm trọng như xâm hại sức khỏe người khác, gây rối an ninh, trật tự tại Trung tâm, chống người thi hành công vụ, trốn hoặc tổ chức trốn khỏi Trung tâm. Thời gian giáo dục tại phòng kỷ luật tối đa là bảy ngày cho một lần quyết định.

Ngoài các hình thức kỷ luật trên thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, học viên có thể bị áp dụng các hình thức kỷ luật bổ sung như: buộc công khai xin lỗi, hạn chế số lần thăm gặp thân nhân, lao động công ích tại Trung tâm v.v...

b) Cán bộ quản lý học viên có trách nhiệm lập biên bản hành vi vi phạm, gửi cho cán bộ phụ trách tổ. Trong thời hạn ba ngày, kể từ khi nhận được biên bản vi phạm, cán bộ phụ trách tổ yêu cầu người vi phạm viết bản tự kiểm điểm và họp tổ xét kỷ luật. Việc họp tổ được lập biên bản có chữ ký của Tổ trưởng và cán bộ phụ trách tổ.

c) Hồ sơ đề nghị kỷ luật gồm:

- Phiếu theo dõi đánh giá, xếp loại của người bị đề nghị kỷ luật;
- Biên bản vi phạm;
- Bản tự kiểm điểm của người vi phạm;
- Biên bản họp tổ về việc xét kỷ luật.

11. Giám đốc Trung tâm Quyết định áp dụng các hình thức khen thưởng, kỷ luật bằng văn bản (Mẫu số 18, Mẫu số 19) và lưu vào hồ sơ của học viên.

Điều 23. Tạm đình chỉ thi hành Quyết định tại Trung tâm

1. Học viên nếu mang thai hoặc bị ốm nặng, có Giấy chứng nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên thì làm Đơn đề nghị tạm đình chỉ thi hành Quyết định gửi Giám đốc Trung tâm.

2. Trong thời hạn hai ngày, kể từ ngày nhận được đơn, Giám đốc Trung tâm phải làm văn bản đề nghị, kèm theo Đơn và Giấy chứng nhận của bệnh viện đối với người được đề nghị, gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi lập hồ sơ áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm để thẩm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trong thời hạn hai ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xem xét, quyết định việc tạm đình chỉ thi hành Quyết định tại Trung tâm (Mẫu số 20).

Chậm nhất trong thời hạn ba ngày, kể từ ngày về đến nơi cư trú, người được tạm đình chỉ thi hành Quyết định tại Trung tâm hoặc gia đình người đó phải trình báo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú.

3. Trường hợp khi hết thời hạn tạm đình chỉ thi hành Quyết định tại Trung tâm nếu vẫn còn ốm nặng, có xác nhận của cơ sở y tế từ cấp huyện trở lên, thì được gia hạn Quyết định tạm đình chỉ.

4. Trường hợp người đang được tạm đình chỉ chấp hành Quyết định bị chết thì gia đình phải làm thủ tục đăng ký khai tử với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và gửi bản sao Giấy chứng tử cho Trung tâm. Giám đốc Trung tâm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã ra Quyết định để xóa tên khỏi danh sách người đang được quản lý, cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm.

Điều 24. Giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành Quyết định tại Trung tâm

1. Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất khi có học viên thuộc diện được giảm thời hạn hoặc miễn chấp hành Quyết định tại Trung tâm theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 135/2004/NĐ-CP, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị và tổ chức họp Hội đồng xét giảm hoặc miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại Trung tâm (gọi tắt là Hội đồng xét giảm hoặc miễn), cụ thể:

a) Xét giảm thời hạn đối với người có tiến bộ rõ rệt trong thời gian chấp hành Quyết định tại Trung tâm. Thời gian giảm tối đa không quá 1/3 thời gian chấp hành Quyết định tại Trung tâm. Mỗi đối tượng được xét giảm không quá một lần trong thời gian chấp hành Quyết định tại Trung tâm;

b) Xét miễn chấp hành phần thời gian còn lại đối với người lập công hoặc người mắc bệnh hiểm nghèo.

Người mắc bệnh hiểm nghèo là người đang bị mắc một trong các bệnh nguy hiểm đến tính mạng như ung thư, bại liệt, xơ gan cổ chướng, lao nặng, nhiễm HIV đã chuyển sang giai đoạn AIDS và những bệnh khác theo quy định của Bộ Y tế.

2. Thành phần Hội đồng xét giảm hoặc miễn gồm: Giám đốc Trung tâm là Chủ tịch Hội đồng, các thành viên là Trưởng các phòng chuyên môn của Trung tâm.

3. Căn cứ vào Nội quy, Quy chế của Trung tâm, kết quả nhận xét, đánh giá hàng tháng tại các tổ, đội và thành tích của từng học viên, Hội đồng xét giảm hoặc miễn xem xét, biểu quyết đối với từng trường hợp cụ thể và kết luận theo đa số. Trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội đồng là ý kiến quyết định.

4. Trong thời hạn hai ngày, kể từ khi nhận được Biên bản họp của Hội đồng, Giám đốc Trung tâm làm công văn đề nghị, kèm theo danh sách các trường hợp được đề nghị và Biên bản họp Hội đồng, gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi lập hồ sơ áp dụng biện pháp đưa vào Trung tâm để thẩm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định (Mẫu số 21, Mẫu số 22).

5. Trong thời gian chờ cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định, nếu người được đề nghị có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm nội quy, quy chế của Trung tâm thì Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng và làm văn bản gửi Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đưa người đó ra khỏi danh sách xét giảm hoặc miễn. Trường hợp đã có Quyết định giảm, miễn nhưng chưa thi hành thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hủy Quyết định (Mẫu số 23, Mẫu số 24).

Điều 25. Hết hạn chấp hành Quyết định đưa vào Trung tâm

1. Trước khi kết thúc thời gian cai nghiện bắt buộc 45 ngày, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm tổ chức Hội đồng xét duyệt người có nguy cơ tái nghiện cao, lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú hoặc tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện theo quy định tại Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy (sau đây viết tắt là Nghị định số 94/2009/NĐ-CP).

2. Sau khi có Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú hoặc tại Trung tâm quản lý sau cai nghiện đối với người hết hạn chấp hành Quyết định cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm, Giám đốc Trung tâm có trách nhiệm bàn giao người và hồ sơ cho Ủy

ban nhân dân cấp xã hoặc Trung tâm nơi chịu trách nhiệm quản lý sau cai nghiện đối với người đó theo quy định tại Nghị định số 94/2009/NĐ-CP.

3. Đối với người bán dâm khi hết thời hạn chấp hành Quyết định, Giám đốc Trung tâm cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong Quyết định (Mẫu số 25) cho người đó và gửi bản sao Giấy chứng nhận tới Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đã ra Quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú và gia đình người đó.

Mục II

CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI CHƯA THÀNH NIÊN VÀ NGƯỜI CAI NGHIỆN, CHỮA TRỊ TỰ NGUYỆN TẠI TRUNG TÂM

Điều 26. Chế độ quản lý, cai nghiện, chữa trị cho người chưa thành niên

1. Chế độ quản lý, cai nghiện, chữa trị cho học viên là người chưa thành niên được thực hiện theo quy định tại Mục II Chương III Nghị định số 135/2004/NĐ-CP và hướng dẫn tại Mục I Chương III Thông tư này, trong đó lưu ý:

- a) Không thực hiện việc khoán sản phẩm đối với người chưa thành niên;
- b) Thời gian lao động trị liệu không được nhiều hơn thời gian học tập, chữa bệnh và không được quá 3 giờ một ngày.

2. Học viên là người chưa thành niên được khen thưởng bằng hình thức tăng số lần được thăm gặp thân nhân theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 22 của Thông tư này thì mỗi lần khen thưởng được áp dụng trong vòng hai tháng.

3. Không áp dụng hình thức kỷ luật giáo dục tại phòng kỷ luật đối với người chưa thành niên.

Điều 27. Chế độ đối với người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại Trung tâm

1. Chế độ quản lý, cai nghiện, chữa trị cho người tự nguyện tại Trung tâm được thực hiện theo quy định tại Mục III Chương III Nghị định số 135/2004/NĐ-CP và các Điều 16, 17, 18, 19, 20, 21 và 22 của Thông tư này.

2. Học viên cai nghiện, chữa trị tự nguyện tại phải tuân theo chế độ lao động trị liệu của Trung tâm và không bị bắt buộc phải tham gia lao động sản xuất.

3. Học viên cai nghiện, chữa trị tự nguyện được thăm gặp vợ hoặc chồng tại phòng riêng theo hướng dẫn tại Khoản 3 Điều 20 của Thông tư này nhưng không quá 2 lần trong một tháng.

4. Trường hợp học viên về nhà chịu tang, khi được tiếp nhận trở lại Trung tâm, phải chịu chi phí xét nghiệm tìm chất ma túy trong cơ thể do Trung tâm thực hiện.

5. Về chế độ khen thưởng, kỷ luật

a) Học viên được khen thưởng bằng hình thức tăng số lần được thăm gặp thân nhân theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 22 của Thông tư này thì mỗi lần khen thưởng được áp dụng trong vòng hai tháng;

b) Hình thức kỷ luật giáo dục tại phòng kỷ luật không áp dụng đối với học viên tự nguyện cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm. Thay vào đó, Giám đốc Trung tâm xem xét, chấm dứt việc cai nghiện, chữa trị và gửi thông báo về gia đình và Ủy ban nhân dân cấp xã nơi học viên cư trú.

6. Khi hết thời hạn cai nghiện, chữa trị, Giám đốc Trung tâm cấp Giấy chứng nhận đã hoàn thành cai nghiện, chữa trị tự nguyện (Mẫu số 26) và gửi bản sao Giấy chứng nhận đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú và gia đình người đó.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm phối hợp với Tổng cục Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Bộ Công an hướng dẫn Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an các địa phương, các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, Cơ sở giáo dục, Trường Giáo dưỡng và các Trại giam, Trại tạm giam thực hiện Thông tư này; chủ trì giúp lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư.

2. Định kỳ hàng năm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với Công an các địa phương tổng kết, báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc triển khai thực hiện Thông tư này; kịp thời khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích và chấn chỉnh những trường hợp chưa thực hiện tốt biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ quản lý, chữa trị tại các Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

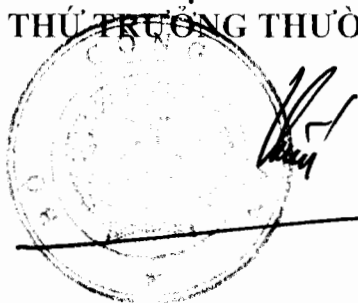
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 07 năm 2012 và thay thế Thông tư số 22/2004/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 31/12/2004 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10/6/2004 quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh.

2. Chế độ quản lý, đánh giá, xếp loại học viên; chế độ ở, sinh hoạt văn hóa, hoạt động thể dục, thể thao; chế độ thăm, gặp nhân thân và chế độ khen thưởng - kỷ luật quy định tại Chương III của Thông tư này thay thế cho Quy chế mẫu về quản lý học viên tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội, Quy chế mẫu về hoạt động thăm, gặp giữa gia đình học viên và học viên, cán bộ tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội và Quy chế mẫu về khen thưởng, kỷ luật đối với học viên tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 60/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/7/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành các quy chế mẫu về quản lý học viên tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc Cơ sở giáo dục, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc nảy sinh, đề nghị phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an để có hướng dẫn kịp thời./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ CÔNG AN
THỦ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC**



Thượng tướng Đặng Văn Hiếu

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG
- THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
THỦ TRƯỞNG**

Nguyễn Trọng Đàm

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng Bộ Công an (để báo cáo);
- Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (để báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật Bộ Tư pháp;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, tp. trực thuộc TW;
- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an các tỉnh, tp. trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an;
- Công báo;
- Website Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an;
- Lưu: VT (BLĐTBXH, BCA).

**TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM KẾT QUẢ PHÁN ĐÁU, RÈN LUYỆN
HÀNG TUẦN CỦA HỌC VIÊN**

TT	NỘI DUNG	Thang điểm	Ghi chú
I	CHẤP HÀNH NỘI QUY, QUY CHẾ CỦA TRUNG TÂM		
1	Chấp hành đầy đủ Nội quy, Quy chế của Trung tâm và các quy định khác của pháp luật	30	
2	Đấu tranh, ngăn chặn, hành vi vi phạm nội quy, quy chế học viên	20	
3	Tôn trọng, giúp đỡ, đồng viên mọi người cùng tiến bộ	10	
4	Tích cực tham gia các phong trào văn hoá, thể thao, xây dựng Trung tâm thanh lịch, xanh sạch đẹp.	10	
5	Vi phạm quy định về thời gian học tập, lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi....	-5	
6	Mất trật tự trong giờ học, giờ nghỉ	-5	
7	Gây rối làm mất trật tự	-10	
8	Trốn trung tâm	-10	
9	Sử dụng các đồ vật, chất ...cấm sử dụng trong Trung tâm	-10	
10	Xăm trổ, tự huỷ hoại thân thể	-10	
11	Nói năng, đi đứng, đầu tóc...thiếu lành mạnh	-5	
II	HỌC TẬP, LAO ĐỘNG SẢN XUẤT		
1	Chăm chỉ, mẫn cán	10	
2	Đạt điểm trung bình hoặc đạt định mức lao động	10	
3	Đạt điểm khá trở lên và vượt mức lao động	10	
4	Lười biếng	-10	
5	Điểm học tập dưới trung bình hoặc lao động không đạt chỉ tiêu	-10	

Xếp loại:

- **Loại tốt:** Tổng số từ trên 80 điểm.
- **Loại khá:** Tổng số từ 65 điểm đến 80 điểm.
- **Loại trung bình:** Tổng số từ 50 điểm đến 65 điểm.
- **Loại yếu:** Dưới 50 điểm.

TIÊU CHÍ XẾP LOẠI HỌC VIÊN

1. Xếp loại theo THÁNG:

Loại tốt:	Ít nhất 3 tuần được xếp loại tốt, đồng thời không có tuần nào xếp loại trung bình hoặc yếu
Loại khá:	Ít nhất 3 tuần được xếp loại khá trở lên, đồng thời không có tuần nào xếp loại yếu
Loại trung bình:	Ít nhất 3 tuần được xếp loại trung bình trở lên
Loại yếu:	Ít nhất 2 tuần xếp loại yếu.

2. Xếp loại theo QUÝ:

Loại tốt:	Ít nhất 2 tháng được xếp loại tốt, đồng thời không có tháng nào xếp loại trung bình hoặc yếu
Loại khá:	Ít nhất 2 tháng được xếp loại khá trở lên, đồng thời không có tháng nào xếp loại yếu.
Loại trung bình:	Ít nhất 2 tháng được xếp loại trung bình trở lên
Loại yếu:	Ít nhất 2 tháng xếp loại yếu.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....¹, ngày.....tháng.....năm 201.....

BIÊN BẢN

Họp Hội đồng Tư vấn xét duyệt hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở chữa bệnh

I. Thời gian, địa điểm

- Thời gian.....
- Địa điểm:

II. Thành phần

- Thường trực Hội đồng:
- Thư ký:
- Số thành viên chính thức:
- Thành viên vắng mặt:
- Lý do
- Thành viên dự họp thay:

III. Nội dung

1. Họ và tên đối tượng xét duyệt:
- Sinh ngày:..... Nghề nghiệp:.....
- Dân tộc: Nơi cư trú:
2. Các ý kiến tại cuộc họp:
3. Kết quả biểu quyết:
4. Kết luận của Hội đồng tư vấn:

THƯ KÝ
(ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(ký, ghi rõ họ tên)

¹ Địa danh

Mẫu số 02

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-
BLĐTBXH-BCA ngày 6/6 /2012 của Liên tịch Bộ Lao động -
Thương binh và Xã hội, Bộ Công an

¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh

²

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với ông/bà.....³ do Ủy ban nhân dân⁴ lập;

Căn cứ văn bản đề nghị của Hội đồng tư vấn về việc đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với ông/bà

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với ông/bà:

Sinh ngày:/...../.....; Nghề nghiệp:

Dân tộc Nơi cư trú:

Hành vi vi phạm⁵:

Điều 2. Thời hạn chấp hành Quyết định là tháng, kể từ ngày người có Quyết định này chấp hành Quyết định tại cơ sở chữa bệnh;

Điều 3. Nơi chấp hành Quyết định: Trung tâm

Điều 4. Người được đưa vào cơ sở chữa bệnh hoặc đại diện hợp pháp của họ có quyền khiếu nại, khởi kiện Quyết định này theo quy định của Pháp luật.

Điều 6. Giám đốc Trung tâm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Thủ trưởng cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Công an huyện, ông/bà..... và cha/mẹ, người giám hộ của ông/bà (trong trường hợp người được đưa vào Trung tâm là người chưa thành niên) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Lưu

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(ký tên, đóng dấu)

¹ UBND cấp huyện

² Thẩm quyền ban hành Quyết định

³ Tên người bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh

⁴ UBND cấp xã

⁵ Ghi rõ hành vi vi phạm pháp luật về hành chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Thi hành Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... ngày tháng năm

Tại

Chúng tôi gồm:

1. chức vụ..... đơn vị.....
2. chức vụ..... đơn vị.....
3. chức vụ..... đơn vị.....

Đại diện UBND cấp xã (hoặc nơi quản lý người đã có Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh):
.....

Người làm chứng:

1.
2.

Tiến hành lập biên bản về việc thi hành Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với:

Họ và tên: Nam/Nữ; Số CMND

Tên gọi khác:..... Sinh ngày:...../...../.....;

Nguyên quán:.....

Nơi đăng ký thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Hành vi vi phạm pháp luật:.....

Đã có Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh số:.....
ngày/...../..... của Chủ tịch UBND¹.....

Chúng tôi lập biên bản này để báo cáo và làm căn cứ. Biên bản được lập thành hai bản, một bản được lưu ở Công an cấp huyện và một bản gửi kèm hồ sơ đưa người vào cơ sở chữa bệnh.

Biên bản được lập xong hồi..... giờ..... cùng ngày, đã đọc lại cho mọi người có mặt cùng nghe, không ai có ý kiến gì khác và ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN UBND CẤP XÃ
(HOẶC NƠI QUẢN LÝ)
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM CHỨNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Cơ quan ra Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh

Mẫu số 04

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-
BLĐTBXH-BCA ngày 6/6 /2012 của Liên tịch Bộ Lao động -
Thương binh và Xã hội, Bộ Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20....

BIÊN BẢN

Bàn giao người chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh

Vào hồi.... giờ... ngày ... tháng năm tại¹
Chúng tôi gồm:

BÊN GIAO

Công an²:
Đại diện là (ông/bà): Cấp bậc.....
Chức vụ: Giấy giới thiệu số ngày/...../.....

BÊN NHẬN

Trung tâm.....
Địa chỉ:
Đại diện là (ông/bà): Chức vụ:.....

Tiến hành lập biên bản bàn giao người có lai lịch như sau:

Họ và tên.....; Nam/nữ; Tên gọi khác:.....
Sinh ngày:...../...../.....; Nguyên quán:.....
Nơi đăng ký thường trú:.....
Hành vi vi phạm pháp luật:.....
Bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh theo Quyết định số:.....
ngày...../...../..... của Chủ tịch UBND³.....
Thời hạn phải chấp hành Quyết định là.....tháng.
Tình trạng sức khỏe⁴:.....
Hồ sơ, tài liệu kèm theo

Tư trang, đồ dùng cá nhân mang theo:.....

Biên bản này được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản, 01 bản gửi Thường trực Hội đồng
trực Hội đồng Tư vấn về việc đưa vào Trung tâm.

Biên bản lập xong hồi.....giờ cùng ngày, đã đọc lại cho mọi người có mặt nghe, không
ai có ý kiến gì khác và cùng ký tên dưới đây./.

BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Địa điểm bàn giao

² Công an cấp huyện

³ Cơ quan ra Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh

⁴ Nếu không bình thường thì lập biên bản xác nhận tình trạng sức khỏe kèm theo biên bản này

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20....

BIÊN BẢN

Xác nhận tình trạng sức khỏe

Vào hồi.... giờ... ngày ... tháng năm tại¹

Chúng tôi gồm:

BÊN GIAO

Công an²:

Đại diện là (ông/bà): Cấp bậc.....

Chức vụ: Giấy giới thiệu số ngày/...../.....

BÊN NHẬN

Trung tâm.....

Địa chỉ:

Đại diện là (ông/bà): Chức vụ:.....

Cán bộ y tế :

Tiến hành lập biên bản xác nhận tình trạng sức khỏe không bình thường của người có Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh có lai lịch như sau:

Họ và tên.....; Nam/nữ; Tên gọi khác:.....

Sinh ngày:...../...../.....; Nguyên quán:.....

Nơi đăng ký thường trú:.....

Bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh theo Quyết định số:.....

ngày...../...../..... của Chủ tịch UBND³.....

TÌNH TRẠNG SỨC KHỎE

.....
.....
.....

Biên bản này được lập thành 03 bản, kèm theo biên bản bản giao người chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh.

Biên bản lập xong hồi.....giờ cùng ngày, đã đọc lại cho mọi người có mặt nghe, không ai có ý kiến gì khác và cùng ký tên dưới đây./.

BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Địa điểm bàn giao

² Công an cấp huyện

³ Cơ quan ra Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh

1
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Hoãn chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh

2
.....

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao
động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý
hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự
nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hoãn chấp hành Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với:

Họ tên.....; Nam/nữ. Số CMND:.....

Sinh ngày:...../...../.....; Nguyên quán:.....

Nơi đăng ký thường trú:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

Đã có Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh số:.....ngày...../...../.....

của Chủ tịch UBND.....thời hạn.....tháng.

Lý do hoãn:

.....

.....

Điều 2. Thời hạn được hoãn..... tháng, kể từ ngày...../...../.....

Thời gian hoãn không tính vào thời hạn chấp hành Quyết định tại cơ sở chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng công an huyện, Chủ tịch Ủy
ban nhân dân xã..... (3) và người có lai lịch tại Điều 1 chịu trách nhiệm
thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(ký tên, đóng dấu)

¹ UBND cấp huyện

² Thẩm quyền ban hành Quyết định

³ hoặc Giám đốc Trung tâm nơi người được miễn chấp hành Quyết định đang lưu trú tạm thời

Mẫu số 07

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-
BLĐTBXH-BCA ngày 6/6 /2012 của Liên tịch Bộ Lao
động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an

1
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Miễn chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh

2
.....

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao
động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý
hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự
nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn chấp hành Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với:

Họ tên.....; Nam/nữ. Số CMND:.....
Sinh ngày:...../...../.....; Nguyên quán:.....
Nơi đăng ký thường trú:.....
Chỗ ở hiện nay:.....
Đã có Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh số:..... ngày...../...../.....của Chủ
tịch UBND.....thời hạn.....tháng.
Lý do được miễn:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng công an huyện, Chủ tịch Ủy
ban nhân dân xã.....⁽³⁾ và người có lai lịch tại Điều 1
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(ký tên, đóng dấu)

¹ UBND cấp huyện

² Thẩm quyền ban hành Quyết định

³ hoặc Giám đốc Trung tâm nơi người được miễn chấp hành Quyết định đang lưu trú tạm thời

1
2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-TT

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH TRUY TÌM

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐT BXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Tôi³:..... Chức vụ:.....

Đơn vị:.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Truy tìm người có lai lịch như sau:

Họ tên.....; Nam/nữ. Số CMND:.....

Sinh ngày:...../...../.....; Nguyên quán:.....

Nơi đăng ký thường trú:.....

Chỗ ở khác:.....

Họ tên cha:.....

Họ tên mẹ:.....

Các mối quan hệ khác:.....

Đặc điểm nhận dạng:

Chiều cao:.....; màu da:.....

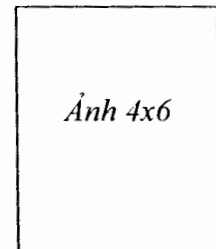
Dáng vóc người:.....; lông mày:.....

Sống mũi.....; dáy tai:.....

Mắt:.....; giọng nói:.....

Đặc điểm riêng biệt khác:.....

Đã trốn hồi.....giờ..... ngày...../...../..... trong trường hợp.....



Điều 2. Ủy ban nhân dân, Công an các cấp và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp truy tìm, giúp cơ quan ra Quyết định truy tìm người có lai lịch trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4.⁴, cơ quan nêu tại Điều 2 và người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Tên cơ quan chủ quản

² Tên cơ quan ra Quyết định truy tìm

³ Ghi rõ họ tên người ra Quyết định

⁴ Tên cơ quan, đơn vị thực hiện Quyết định này

SỞ LAO ĐỘNG –TBXH.....
TRUNG TÂM.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-TT

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Tạm thời đưa ra khỏi cơ sở chữa bệnh

¹

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Xét đề nghị của ²

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm thời đưa ra khỏi cơ sở chữa bệnh đối với:

Họ tên.....; Nam/nữ. Số CMND:.....

Sinh ngày:...../...../.....; Nguyên quán:.....

Nơi đăng ký thường trú:.....

Chỗ ở khác:.....

Dân tộc:.....; Tôn giáo:.....

Đã có Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh số:.....ngày...../...../.....

của Chủ tịch UBND.....thời hạn.....tháng.

Lý do tạm thời đưa ra khỏi cơ sở chữa bệnh:.....

.....

.....

Điều 2: Thời hạn tạm thời đưa ra khỏi cơ sở chữa bệnh là ngày, kể từgiờ.....ngày

...../...../.....

Nơi quản lý⁽²⁾.....

Thời gian quản lý được tính vào thời hạn chấp hành Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. ³, cơ quan nêu tại Điều 2 và người có lai lịch tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Thẩm quyền ban hành Quyết định

² Cơ quan đề nghị tạm thời đưa ra khỏi cơ sở chữa bệnh

³ Tên cơ quan, đơn vị thực hiện Quyết định này

SỞ LAO ĐỘNG – TBXH.....
TRUNG TÂM.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-TT

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Gia hạn thời hạn tạm thời đưa ra khỏi cơ sở chữa bệnh

1

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Xét đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời hạn tạm thời đưa ra khỏi cơ sở chữa bệnh đối với:

Họ tên.....; Nam/nữ. Số CMND:.....
Sinh ngày:...../...../.....; Nguyên quán:.....
Nơi đăng ký thường trú:.....
Chỗ ở khác:.....
Dân tộc:.....; Tôn giáo:.....
Đã có Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh số:.....ngày...../...../.....
của Chủ tịch UBND.....thời hạn.....tháng.
Lý do tạm thời đưa ra khỏi cơ sở chữa bệnh:.....
.....
.....

Điều 2: Thời hạn gia hạn tạm thời đưa ra khỏi cơ sở chữa bệnh là ngày, kể từ
giờ.....ngày...../...../.....

Nơi quản lý²:.....

Thời gian quản lý được tính vào thời hạn chấp hành Quyết định tại cơ sở chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4.³, cơ quan nêu tại Điều 2 và người có lai lịch tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(ký tên, đóng dấu)

¹ Thẩm quyền ban hành Quyết định

² Cơ quan đề nghị tạm thời đưa ra khỏi cơ sở chữa bệnh

³ Tên cơ quan, đơn vị thực hiện Quyết định này

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....¹ ngày.....tháng.....năm 20....

ĐƠN TỰ NGUYỆN CAI NGHIỆN, CHỮA TRỊ TẠI TRUNG TÂM

Kính gửi: Giám đốc Trung tâm.....

Tên tôi là:.....

Sinh ngày:...../...../.....

CMND số: Ngày cấp/...../..... Nơi cấp:

Đề nghị Trung tâm cho phép tôi được tự nguyện cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm.

Các hình thức cai nghiện, chữa trị, giáo dục đã thực hiện (nếu có)

Thời gian tự nguyện cai nghiện, chữa trị:..... tháng²

Tôi xin cam kết trong thời gian ở Trung tâm:

- Chịu sự quản lý và chấp hành mọi nội quy, quy chế, chế độ điều trị, cai nghiện của Trung tâm;
- Thanh toán mọi chi phí liên quan tới việc điều trị, cai nghiện tại Trung tâm theo quy định của pháp luật (với người chưa thành niên gia đình hoặc người giám hộ cam kết phần này).

Kính đề nghị Trung tâm xem xét, giải quyết./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(ký, ghi rõ họ tên)

¹ Địa danh

² Thời gian tối thiểu là 6 tháng đối với người cai nghiện tự nguyện và 3 tháng đối với người bán dâm

CAM KẾT CỦA GIA ĐÌNH (đối với người chưa thành niên)

Tên tôi là.....

Địa chỉ:.....

CMND số: Ngày cấp/...../..... Nơi cấp:

Quan hệ với người tự nguyện cai nghiện cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm:
(tài liệu chứng minh kèm theo)

Đề nghị Trung tâm cho phép bố (mẹ, anh, chị, em, con, người được giám hộ) của tôi là ông (bà, anh, chị)..... được điều trị, cai nghiện, tự nguyện tại Trung tâm. Gia đình tôi cam kết sẽ tích cực hỗ trợ việc điều trị, cai nghiện và thanh toán mọi chi phí liên quan tới việc điều trị, cai nghiện cho ông/bà/anh/chị..... tại Trung tâm theo quy định của pháp luật./.

Người cam kết
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 12

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-
BLĐTBXH-BCA ngày 6/6 /2012 của Liên tịch Bộ Lao động
- Thương binh và Xã hội, Bộ Công an

SỞ LAO ĐỘNG –TBXH.....
TRUNG TÂM.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TT

....., ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Tiếp nhận người vào cai nghiện, chữa trị tự nguyện

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Căn cứ Quyết định số/...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm 20... của Ủy ban nhân dân tỉnh..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Theo đề nghị của ông/bà..... Sinh ngày:...../...../.....
CMND số: Ngày cấp/...../..... Nơi cấp:
Trú tại¹:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiếp nhận ông/bà vào cai nghiện, chữa trị tự nguyện tại Trung tâm trong thời gian tháng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 2. Ông/bà và gia đình (với trường hợp người chưa thành niên) có trách nhiệm tuân thủ mọi quy định của Pháp luật về cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm và nội quy, quy chế của Trung tâm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày.....tháng.....năm...

Điều 4. Quyết định này được đồng gửi cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ông/bà..... cư trú để phối hợp thực hiện.

Điều 4. Trưởng phòng....., ông/bà..... và gia đình có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Địa chỉ thường trú hoặc tạm trú

Mẫu số 13

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-
BLĐTBXH-BCA ngày 6/6 /2012 của Liên tịch Bộ Lao động
- Thương binh và Xã hội, Bộ Công an

SỞ LAO ĐỘNG -TBXH

TRUNG TÂM

PHIẾU THEO DÕI ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC VIÊN

Họ và tên:

Ngày vào Trung tâm:.....

TT	Xếp loại theo tuần				Xếp loại		Xếp loại quý		Hình thức khen thưởng và kỷ luật	
	Tuần 1	Tuần 2	Tuần 3	Tuần 4	Tháng	Xếp loại	Quý	Loại	Quý	Hình thức
1					1		I		I	
2					2					
3					3					
4					4		II		II	
5					5					
6					6					
7					7		III		III	
8					8					
9					9					
10					10		IV		IV	
11					11					
12					12					

.....ngày ... tháng.... năm.....

Cán bộ quản lý
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 14

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-
BLĐTBXH-BCA ngày 6/6 /2012 của Liên tịch Bộ Lao động
- Thương binh và Xã hội, Bộ Công an

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....¹ ngày.....tháng.....năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THĂM GẶP HỌC VIÊN

Kính gửi: Giám đốc Trung tâm.....

Tên tôi là:.....

Sinh ngày:...../...../.....

CMND số: Ngày cấp/...../..... Nơi cấp:

là ²của ông/bà³ Sinh ngày:...../...../.....

CMND số: Ngày cấp/...../..... Nơi cấp:

đang được cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm theo Quyết định số.....

ngày...../...../..... của.....⁴

Đề nghị Trung tâm cho phép tôi được thăm, gặp ông/bà.....

Tôi cam đoan và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính xác thực của những thông tin trên và cam kết thực hiện đúng các quy định của Trung tâm về chế độ thăm gặp học viên.

Kính đề nghị Trung tâm xem xét, giải quyết./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(ký, ghi rõ họ tên)

¹ Địa danh

² Ghi rõ mối quan hệ gia đình, họ hàng với học viên

³ Tên người đang được cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm

⁴ Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc Giám đốc Trung tâm

TRUNG TÂM.....

SỔ THĂM GẶP HỌC VIÊN

Họ và tên học viên:.....

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú:

.....

Ngày vào Trung tâm :.....

Theo Quyết định số..... ngày..... của.....

.....

DANH SÁCH THÂN NHÂN ĐĂNG KÝ THĂM GẶP

TT	Họ và tên	Quan hệ với người đang được quản lý, chữa trị tại Trung tâm	Số CMND	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				
16				
14				
18				
19				
20				
21				

THEO DÕI HOẠT ĐỘNG THĂM GẶP

TT	Họ và tên	Quan hệ với học viên	Số CMND	Ngày thăm gặp	Chữ ký của cán bộ phụ trách thăm gặp

SỔ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG THĂM GẶP THÂN NHÂN

Thời gian:ngày.....tháng.....năm¹

Cán bộ Tổ thăm gặp gồm:.....

STT	Họ và tên học viên		Thân nhân học viên					Số lượng tiền thuốc và các đồ vật mang cho học viên	Ghi chú
	Họ và tên	Tổ	Họ và tên	Quan hệ	Số CMND	Số giấy giới thiệu	Giấy tờ khác		
1									
2									
3									
4									

¹ Ngày thăm gặp

Mẫu số 17

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-
BLĐTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Liên tịch Bộ Lao động
- Thương binh và Xã hội, Bộ Công an

SỐ LD-TBXH
TRUNG TÂM.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TT

....., ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH
Cho phép học viên về chịu tang

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Căn cứ Quyết định số/...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm 20.... của Ủy
ban nhân dân tỉnh..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ
chức của Trung tâm

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao
động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý
hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự
nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Theo đơn đề nghị của ông/bà.....¹ là²
của ông/bà đang được cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm theo Quyết
định số..... ngày...../...../..... của³,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ông/bà
được về chịu tang⁴ từ ngày...../...../..... đến ngày...../...../.....
(tính cả thời gian đi đường)

Điều 2. Gia đình ông/bàcó trách nhiệm quản lý, giám sát không để
ông/bà..... sử dụng trái phép chất ma túy và có các hành vi vi phạm pháp luật khác trong
thời gian về chịu tang, đưa ông/bà quay lại Trung tâm đúng thời gian quy định và
chịu mọi chi phí đưa đón ông/bà về nhà và đưa trở lại Trung tâm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày.....tháng.....năm...

Điều 4. Trưởng phòng.....,ông/bà..... và gia đình có trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

GIÁM ĐỐC

(ký tên, đóng dấu)

¹ Họ và tên người viết đơn đề nghị cho người đang cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm về chịu tang

²Ghi rõ là bố, mẹ, ông, bà, vợ, chồng, anh chị em ruột hay con ruột đã thành niên của người đang được cai nghiện,
chữa trị tại Trung tâm

³ Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc Giám đốc Trung tâm

⁴Ghi rõ về chịu tang ông, bà, cha, mẹ, vợ, chồng, anh chị em ruột hoặc con ruột

SỞ LAO ĐỘNG-TBXH
TRUNG TÂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TT

....., ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH
Khen thưởng đối với học viên

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Căn cứ Quyết định số/...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm 20.... của Ủy
ban nhân dân tỉnh..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ
chức của Trung tâm

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao
động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý
hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự
nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Xét thành tích học tập, lao động tại Trung tâm của ông/bà¹
đang được cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm theo Quyết định số
ngày...../...../..... của.....²;

Theo đề nghị của Hội đồng Khen thưởng - Kỷ luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Khen thưởng bằng hình thức³

_____ Biểu dương _____ Tặng số lần gặp nhân thân, mức cụ thể là

_____ Đề nghị giảm thời gian quản lý sau cai nghiện tại Trung tâm, thời gian đề nghị giảm
cụ thể là..... tháng đối với ông/bà..... do đã có thành
tích trong học tập, rèn luyện và lao động tại Trung tâm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày.....tháng.....năm.....

Điều 3. Trưởng phòng..... và ông/bàcó trách nhiệm thi hành
Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
(ký tên, đóng dấu)

¹ Họ và tên người được khen thưởng

² Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc Giám đốc Trung tâm

³Đánh dấu (x) vào hình thức khen thưởng phù hợp

SỞ LAO ĐỘNG- TBXH
TRUNG TÂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TT

....., ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng hình thức kỷ luật đối với học viên

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Căn cứ Quyết định số/...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm 20.... của Ủy ban nhân dân tỉnh..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Xét mức độ vi phạm của ông/bà¹ đang được cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm theo Quyết định số..... ngày...../...../..... của²;

Theo đề nghị của Hội đồng Khen thưởng - Kỷ luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thi hành kỷ luật bằng hình thức³
đối với ông/bà

Lý do:

Điều 2. (Chỉ áp dụng với người bị giáo dục tại Phòng kỷ luật) Thời gian chấp hành Quyết định kỷ luật đối với người bị kỷ luật giáo dục tại phòng kỷ luật là ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày.....tháng.....năm.....

Điều 4. Trưởng phòng..... và ông/bà..... có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Họ và tên người bị kỷ luật

² Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc Giám đốc Trung tâm

³ Nêu rõ hình thức kỷ luật

SỞ LAO ĐỘNG- TBXH
TRUNG TÂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-TT

....., ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng hình thức kỷ luật đối với học viên

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

Căn cứ Quyết định số/...../QĐ-UBND ngày..... tháng..... năm 20.... của Ủy ban nhân dân tỉnh..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Xét mức độ vi phạm của ông/bà¹ đang được cai nghiện, chữa trị tại Trung tâm theo Quyết định số..... ngày...../...../..... của²;

Theo đề nghị của Hội đồng Khen thưởng - Kỷ luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thi hành kỷ luật bằng hình thức³
đối với ông/bà

Lý do:

Điều 2. (Chỉ áp dụng với người bị giáo dục tại Phòng kỷ luật) Thời gian chấp hành Quyết định kỷ luật đối với người bị kỷ luật giáo dục tại phòng kỷ luật là ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày.....tháng.....năm.....

Điều 4. Trưởng phòng..... và ông/bà..... có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, Hồ sơ.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Họ và tên người bị kỷ luật

² Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc Giám đốc Trung tâm

³ Nêu rõ hình thức kỷ luật

Mẫu số 21

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an

UBND huyện.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UB

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Giảm thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh

¹

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giảm thời hạn chấp hành Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với:

Họ tên.....; Nam/nữ. Số CMND:.....

Sinh ngày:...../...../.....; Nguyên quán:.....

Nơi đăng ký thường trú:.....

Chỗ ở khác:.....

Đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh số:.....

ngày...../...../..... của Chủ tịch UBND....., thời hạn.....tháng

Tại Trung tâm.....

Lý do được giảm thời hạn chấp hành Quyết định đưa người vào cơ sở chữa bệnh:

.....
.....

Điều 2: Thời hạn được giảm là.....tháng, kể từ ngày/...../....., phần còn lại là tháng, kể từ ngày...../...../.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. ²..... và người có lai lịch tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Thẩm quyền ban hành Quyết định

² Tên cơ quan, đơn vị thực hiện Quyết định này

Mẫu số 21

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLDTBXH-BCA ngày 6/6 /2012 của Liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an

UBND huyện.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UB

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Giảm thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh

¹

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLDTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giảm thời hạn chấp hành Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với:

Họ tên.....; Nam/nữ. Số CMND:.....

Sinh ngày:...../...../.....; Nguyên quán:.....

Nơi đăng ký thường trú:.....

Chỗ ở khác:.....

Đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh số:.....

ngày...../...../..... của Chủ tịch UBND....., thời hạn.....tháng

Tại Trung tâm.....

Lý do được giảm thời hạn chấp hành Quyết định đưa người vào cơ sở chữa bệnh:

.....
.....
.....

Điều 2: Thời hạn được giảm là.....tháng, kể từ ngày/...../....., phần còn lại là tháng, kể từ ngày...../...../.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. ²..... và người có lai lịch tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Thẩm quyền ban hành Quyết định

² Tên cơ quan, đơn vị thực hiện Quyết định này

Mẫu số 22

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTĐBXH-BCA ngày 6/6 /2012 của Liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an

UBND huyện.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-UB

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở chữa bệnh

1

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTĐBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở chữa bệnh đối với:

Họ tên.....; Nam/nữ. Số CMND:.....

Sinh ngày:...../...../.....; Nguyên quán:.....

Nơi đăng ký thường trú:.....

Đang chấp hành Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh số:..... ngày...../...../.....

của Chủ tịch UBND²..... tại Trung tâm³.....

Thời hạn đã chấp hành Quyết định là tháng, phần thời gian còn lại là tháng, kể từ ngày tháng..... năm.....

Lý do miễn:

.....
.....
.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3.⁴..... và người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Thẩm quyền ban hành Quyết định

² Tên cơ quan ban hành Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh

³ Tên Trung tâm nơi áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh

⁴ Tên cơ quan, đơn vị thực hiện Quyết định này

Mẫu số 23

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTĐBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an

UBND huyện

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-TT

..... ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Hủy Quyết định giảm thời hạn chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh

1

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTĐBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Xét đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy Quyết định số.....ngày...../...../..... Về việc giảm thời hạn chấp hành Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với:

Họ tên.....; Nam/nữ. Số CMND:

Sinh ngày:...../...../.....; Nguyên quán:.....

Nơi đăng ký thường trú:.....

Dân tộc:.....; Tôn giáo:.....

Đã có Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh số:.....ngày...../...../..... của Chủ tịch UBND.....thời hạn.....tháng.

Thời hạn chấp hành Quyết định là tháng

Thời hạn đã được giảm chưa thi hành nay hủy bỏ là.....tháng.....ngày

Lý do hủy Quyết định giảm thời hạn:

.....

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. ²..... và người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(ký tên, đóng dấu)

¹ Thẩm quyền ban hành Quyết định

² Tên cơ quan, đơn vị thực hiện Quyết định này

Mẫu số 24

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-
BLĐTBXH-BCA ngày 6/6 /2012 của Liên tịch Bộ Lao
động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an

UBND huyện

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-TT

....., ngày.....tháng.....năm 20....

QUYẾT ĐỊNH

Hủy Quyết định miễn chấp hành phần thời gian còn lại tại cơ sở chữa bệnh

1

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy Quyết định số.....ngày...../...../..... về việc miễn phần thời gian còn lại chấp hành Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh đối với:

Họ tên.....; Nam/nữ. Số CMND:.....

Sinh ngày:...../...../.....; Nguyên quán:.....

Nơi đăng ký thường trú:.....

Dân tộc:.....; Tôn giáo:.....

Đã có Quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh số:.....ngày...../...../..... của Chủ tịch UBND..... thời hạn.....tháng.

Thời hạn chấp hành Quyết định là tháng

Thời hạn đã được miễn chưa thi hành nay hủy bỏ là.....tháng.....ngày

Lý do hủy Quyết định miễn thời hạn:

.....

.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3.²..... và người có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

- Lưu:

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Thẩm quyền ban hành Quyết định

² Tên cơ quan, đơn vị thực hiện Quyết định này

Mẫu số 25

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTĐTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an

SỞ LAO ĐỘNG - TBXH
TRUNG TÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-TT

....., ngày.....tháng.....năm 20....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đã chấp hành xong Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM.....

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-BLĐTĐTBXH-BCA ngày 6/6/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Công an quy định chi tiết chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Xét đề nghị của

CHỨNG NHẬN

Người có lai lịch như sau:

Họ tên.....; Nam/nữ. Tên gọi khác:.....

Sinh ngày:...../...../.....; Nguyên quán:.....

Nơi đăng ký thường trú:.....

Dân tộc:.....; Tôn giáo:.....; Trình độ học vấn:.....

Hành vi vi phạm pháp luật:.....

Đưa vào Trung tâm ngày/...../..... theo Quyết định số:.....
ngày...../...../..... của Chủ tịch UBND¹.....

Thời hạn phải chấp hành Quyết định là tháng

Ngày...../...../..... đã chấp hành xong thời hạn đưa vào cơ sở chữa bệnh, nay về cư trú tại:

.....

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ khi về địa phương, người đã chấp hành xong thời hạn đưa vào cơ sở chữa bệnh có lai lịch nêu trên phải đến trình diện chính quyền địa phương nơi cư trú./.

NGƯỜI ĐƯỢC CẤP GIẤY

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi vào sổ số:/GCN

Mẫu số 26

Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2012/TTLT-
BLĐTBXH-BCA ngày 6/6 /2012 của Liên tịch Bộ Lao động
- Thương binh và Xã hội, Bộ Công an

SỞ LAO ĐỘNG-TBXH.....
TRUNG TÂM.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 20....

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đã hoàn thành việc cai nghiện, chữa trị tự nguyện

Giám đốc Trung tâm

Chúng nhận ông/bà:

Sinh ngày:/...../.....; Nơi cư trú.....;

Đã hoàn thành việc cai nghiện, chữa trị tự nguyện tại Trung tâm.....

từ ngày.....tháng.....năm.....đến ngày.....tháng..... năm..... theo Quyết định
số...../QĐ-TT ngày.....thángnămcủa Giám đốc Trung tâm

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi vào sổ số:/GCN